

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
Tỉnh Thái Bình**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 18/02/2022
V/v: “ Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Linh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hiếu.

2. Bà Đặng Thị Hòa.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 156/2021/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2021 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXX- ST ngày 12/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Ch, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Chị Ch có mặt; anh Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị Ch trình bày: Chị Ch và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 17/9/2010. Sau khi kết hôn, chị Ch và anh Đ chung sống hạnh phúc được 09 năm thì mâu thuẫn do tính tình không hợp, anh Đ có tình cảm ngoài luồng với người phụ nữ khác. Chị Ch đã nộp đơn xin ly hôn anh Đ ra Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải vào tháng 3 năm 2021 nhưng do anh Đ xin lỗi nên chị Ch đã rút đơn xin ly hôn. Sau khi về chung sống với nhau vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống

chung không có hạnh phúc. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chịCh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải giải quyết cho chịCh được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị Ch và anh Đ có hai con chung là Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 19/6/2011 và Phạm Thị Thanh Th, sinh ngày 21/6/2017. Hai con chung hiện tại đang sống cùng anh Đ. Sau khi ly hôn chị Ch đồng ý để hai con chung cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ: ChịCh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/10/2021, bị đơn là anh Phạm Văn Đ trình bày: Anh Đ và chị Ch kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 17/9/2010. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp và anh có phát sinh mối quan hệ bên ngoài, tuy nhiên mối quan hệ này không ảnh hưởng đến gia đình vì hàng tháng anh Đ vẫn đi làm và đưa tiền để chị Ch nuôi con. Khoảng tháng 3 năm 2021 chịCh đã nộp đơn xin ly hôn anh Đ tại Tòa án, sau đó chị Ch đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên do tác động từ bên ngoài nên hiện tại chịCh đã tự ý bỏ nhà ra ở riêng. Nay chịCh có đơn xin ly hôn anh Đ, quan điểm của anh Đ không muốn ly hôn chịCh vì muốn các con có đầy đủ cả bố và mẹ.

Về con chung: Anh Đ và chị Ch có hai con chung là Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 19/6/2011 và Phạm Thị Thanh Th, sinh ngày 21/6/2017. Nếu chịCh vẫn nhất quyết ly hôn thì anh Đ xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh Đ không yêu cầu chị Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ: Anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 10/12/2021, Ủy ban nhân dân xã C, huyện H cung cấp như sau: Chị Phạm Thị Ch và anh Phạm Văn Đ kết hôn ngày 17/9/2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H. Sau khi kết hôn thì chịCh và anh Đ về sinh sống tại thôn T, xã C, huyện H và có hai con là Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 19/6/2011 và Phạm Thị Thanh Th, sinh ngày 21/6/2017. Hai con chung hiện đang sống cùng anh Đ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và tham gia phiên tòa. Bị đơn có lời khai tại Tòa án, tuy nhiên bị đơn không đến Tòa án tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Phạm ChịCh được ly hôn anh Phạm Văn Đ; về con chung: Giao hai con chung Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 19/6/2011 và Phạm Thị Thanh Th, sinh ngày 21/6/2017

cho anh Phạm Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết; về tài sản chung: Không giải quyết; về án phí: Chị Phạm Thị Ch phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại xã Nam Hồng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại các Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa chị Phạm Thị Ch và anh Phạm Văn Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ch và anh Phạm Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 17/9/2010. Tại thời điểm kết hôn, chị Ch và anh Đ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Ch và anh Đ chung sống hạnh phúc được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Ch vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Ch được ly hôn anh Đ vì tình cảm vợ chồng không còn. Bị đơn là anh Đ không đồng ý ly hôn với chị Ch. Tuy nhiên anh Đ không đến Tòa án để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa và cũng không đưa ra được các biện pháp khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ, mặt khác chị Ch và anh Đ hiện tại không chung sống cùng nhau, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Như vậy, hôn nhân của chị Ch và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ch, giải quyết cho chị Ch được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Ch và anh Đ có hai con chung là Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 19/6/2011 và Phạm Thị Thanh Th, sinh ngày 21/6/2017. Sau khi ly hôn, chị Ch đồng ý để hai con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ. Xét thấy, từ khi chị Ch và anh Đ không chung sống cùng nhau cho đến nay thì cả hai con chung của chị Ch và anh Đ sống cùng anh Đ, cháu T trên 07 tuổi có nguyện vọng xin được ở với bố. Vì vậy, để tạo điều kiện cho sinh hoạt và việc học tập ổn định của con chung của chị Ch và anh Đ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ, giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung Phạm Thị Thanh T và Phạm Thị Thanh Th là phù hợp với quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[2.3]. *Về tài sản chung, công nợ*: Không giải quyết

[2.4]. *Về án phí*: Chị Phạm Thị Ch phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều a, khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Ch được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

2/ Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 19/6/2011 và Phạm Thị Thanh Th, sinh ngày 21/6/2017. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

Chị Phạm Thị Ch có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung, công nợ: Không giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Phạm Thị Ch phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Ch đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0002239 ngày 27/10/2021.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/02/2022).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Chu Thị Linh